

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 9 – 2024.

“Về việc: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thị Nguyệt và ông Đinh Xuân Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm F, Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. **Bị đơn:** ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm F, Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều vắng mặt và đã có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 1996. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn; do ông H có yêu thương người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau; đã vậy ông H còn đe dọa, chửi mắng, xúc phạm bà T. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về con chung: bà T và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn C, sinh năm 2001. Cả hai đều đã thành niên và có khả năng lao động. Do đó bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[2]. Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bị đơn ông H và nguyên đơn bà T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 1996. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ đầu tháng 07/2024 cho đến nay. Hiện nay, ông H chấp nhận ly hôn với bà T; tuy nhiên ông H sẽ không tham gia hòa giải, cũng không tham gia tố tụng và yêu cầu Tòa án xét xử, giải quyết vắng mặt ông H.

- Về con chung: ông H và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn C, sinh năm 2001; 02 người con này đều đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn số 02/95 ngày 20/12/1995 xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu T; đề nghị xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; buộc bà T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Thu T và bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các

Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T yêu cầu giải quyết ly hôn; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 02/1995 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Đăng ký ngày 20/12/1995) mà nguyên đơn đã cung cấp và căn cứ lời khai phù hợp của các đương sự; có đủ cơ sở xác định: bà Trương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Vì vậy, bà T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, ông Nguyễn Văn H đã quen và yêu thương người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi nhau, đã không còn chung sống với nhau và đều thống nhất ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ, còn ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được; điều này cho thấy bà T và ông H đều không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Vợ chồng bà T, ông H đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho bà T được ly hôn với ông H.

[3.2]. Về việc nuôi con:

Bà Trương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn H đều xác định: bà T, ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn C, sinh năm 2001; 02 người con chung này đều đã thành niên và có khả năng lao động; ông H, bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xét xử giải quyết.

[3.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[4]. *Về án phí*:

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử buộc bà Trương Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. *Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận*:

Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Thu T: bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[2]. Về án phí: buộc bà Trương Thị Thu T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006082 ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, bà Trương Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm công khai; các đương sự đều được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Huy Khiêm (Thay thông báo);
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh